

Stage Two: Term 2 Weekly Overview
Giáo Trình từ Lớp 2 đến Lớp 3
Tổng Quát Tuần Lễ Học Kỳ 1

Wk	Term 2
1	<i>What do Buddhists Believe?</i> Introduction Phật giáo tin vào điều gì? Lời giới thiệu
2	The Appearance of the Buddha (DB/IB3) Sự ra đời của Đạo Phật
3	
4	The Four Noble Truths (B2/U2) Tứ Diệu Đế
5	
6	The Sangha (Monks and Nuns) (B2/U2) Tăng đoàn (Sư thầy và Sư cô)
7	
8	Where do Buddhists live today? (DB/IB5) Ngày nay những người Phật tử sống ở đâu?
9	
10	What do Buddhists Believe? Người Phật giáo tin vào điều gì?

Term Two: Stage 2 Lesson 1: *What Do Buddhist Believe*
Unit Introduction

Lesson Sequence Yếu Tố Bài Học	Time Thời Gian	Lesson Aim: To outline some key Buddhist beliefs. Mục tiêu bài học: nêu một số niềm tin chính của Phật giáo Resources: Students will need the Buddhist Beliefs comprehension activity. Nguồn: học sinh sẽ cần hoạt động hiểu về tín ngưỡng Phật giáo.
Breathing meditation- Thiền hít thở/ Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 phút	1. Recite name of Master Buddha-express gratefulness to the Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times). Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần). 2. Breathing meditation –connect mind and body to the present.

Bài học 1: Đức Phật tin tưởng vào điều gì

		<p>Next breath in, breath out breath meditation (3 times).Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần).</p> <p>3. Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha Buddha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.</p>
Questioning and Discussion Câu Hỏi Và Thảo Luận	5 min 5 phút	<ul style="list-style-type: none"> • Ask children what they already know about Buddhist Beliefs. • Write key words on the board • Explain lesson information. • Hỏi học sinh về điều mà các em đã biết về các tín ngưỡng Phật Giáo. • Viết những từ khóa lên bảng. • Giải thích thông tin bài học.

<p>Lesson Information Thông Tin Bài Học</p>	<p>5 min 5 Phút</p>	<p>The Buddha's teachings are known as <i>Dharma</i>. They include Buddhism's Four Noble Truths and the Eightfold Path (or Middle Way). Lời dạy của Đức Phật được gọi là Pháp. Bao gồm Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo (hay Con đường Trung đạo) của Phật giáo.</p> <p>The Buddha There are many key features of Buddha. Some of these are</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. His noble face (Buddha looks serene) 2. His Earlobes (long earlobes) 3. The Mudras (Buddha's hand gestures represent aspects of the Dharma) 4. The Halo around his head (The halo represents Buddha's wisdom and purity) <p>Đức Phật Có rất nhiều đặc điểm chính của Đức Phật. Một số trong số này là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khuôn mặt cao quý của Ngài (Đức Phật trông thanh thoát) 2. Dái tai của ngài ấy (dái tai dài) 3. Thủ ấn (cử chỉ tay của Đức Phật đại diện cho các khía cạnh của Pháp) 4. Vàng hào quang quanh đầu (Vàng hào quang tượng trưng cho trí tuệ và sự tinh khiết của Đức Phật) <p>The Dharma: Buddhism's Noble Truths are:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Life always involves suffering (<i>Dukkha</i>). 2. Suffering happens because people are greedy and not satisfied with what they have. 3. Greed and selfishness can cause suffering. 4. The way to end suffering is to follow the Eightfold Path. <p>Pháp: Tứ Diệu Đế trong Đạo Phật là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cuộc sống luôn bao gồm đau khổ (Khổ Đế). 2. Đau khổ xảy ra vì con người tham lam và không hài lòng với những gì mình có. (Tập Đế). 3. Sự chấm dứt đau khổ (Nirvana). 4. Con đường đưa đến sự chấm dứt đau khổ là tuân theo Bát Chánh Đạo (Magga). <p>The Sangha The Sangha is a group monks and nuns. They give up materialistic possessions to live a simple life; they follow Shakyamuni Buddha's Dharma. They spread the teachings of Shakyamuni Buddha. Tăng đoàn là một nhóm Tăng Ni. Họ từ bỏ của cải vật chất để sống một cuộc sống giản dị; họ tuân theo Pháp của Phật Thích Ca. Họ truyền bá giáo lý của Đức Phật Thích Ca.</p> <p>The Three Jewels of Buddhism are a belief in the <i>Buddha</i>, the <i>Dharma</i> and <i>Sangha</i> Tam bảo của Phật giáo là niềm tin vào Phật, Pháp và Tăng đoàn</p>
<p>Student Activity Hoạt động của học sinh</p>	<p>5 min 5 phút</p>	<p>Students will respond to a short comprehension activity about Buddhism Học sinh sẽ trả lời một hoạt động ngắn về Phật giáo.</p>

Term Two: Stage 2 Activity 1: What Do Buddhist Believe

Unit Introduction

Hoạt động 1: Đức Phật tin tưởng vào điều gì

Buddhist Beliefs

Tín ngưỡng Phật giáo

What are some features of Buddha's appearance?

Vài nét về ngoại hình của Đức Phật?

1. _____
2. _____

What can you remember about the Noble Truths?

Những điều bạn nhớ về Diệu Đế?

1. _____
2. _____
3. _____
4. _____

What two things do you remember about the Sangha?

Hai điều mà bạn nhớ về Tăng đoàn.

1. _____
2. _____

Term Two: Stage 2 Lesson 2: *The Appearance of Buddha*

Bài học 2: Ngoại hình của Đức Phật

Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To outline some key features of Buddha's appearance. Mục tiêu bài học: nêu vài đặc điểm về ngoại hình của Đức Phật Resources: Students will need The Appearance of Buddha worksheet. Nguồn: Học sinh sẽ cần worksheet về ngoại hình của Đức Phật
Breathing meditation-Thiền hít thở/ Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	<p>1. Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần).</p> <p>2. Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần).</p> <p>3. Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.</p>
Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận	5 min 5 Phút	<ul style="list-style-type: none"> • Ask children what they already know about Buddha's appearance. • Hỏi các học sinh điều các em đã biết về ngoại hình của Đức Phật. • Write key words on the board • Viết từ khóa lên bảng
Lesson Information Nội dung bài học	5 min 5 Phút	<p>The Appearance of Buddha Ngoại hình của Đức Phật</p> <p>- Outline 4 features of Buddha's appearance that were introduced in the previous lesson. - Nêu ra 4 đặc điểm về ngoại hình của Đức Phật đã được giới thiệu trong bài học trước.</p> <p>There are many key features of Buddha. Some of these are</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. His noble face (Buddha looks serene) 2. His Earlobes (long earlobes) 3. The Mudras (Buddha's hand gestures represent aspects of the Dharma) 4. The Halo around his head (The halo represents Buddha's wisdom and purity) <p>Có rất nhiều đặc điểm chính của Đức Phật. Một số trong số này là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khuôn mặt cao quý của Ngài (Đức Phật trông thanh thoát) 2. Dái tai của ngài ấy (dái tai dài) 3. Thủ ấn (cử chỉ tay của Đức Phật đại diện cho các khía cạnh của Pháp) 4. Vàng hào quang quanh đầu (Vàng hào quang tượng trưng cho trí tuệ)

		<p>và sự tinh khiết của Đức Phật)</p> <p>This lesson will focus on the first two features - 1. His noble face and 2. His earlobes. Bài học này sẽ tập trung vào 2 đặc điểm - 1. Khuôn mặt cao quý của ngài và 2. Dái tai của ngài</p> <p>Buddha's noble face expresses serenity. He looks calm and gentle. His face shows kindness and peacefulness.</p> <p>Buddha's long earlobes represent his ability to listen and spiritually hear the voices of all beings. Buddha's long earlobes remind us to listen to each other with kindness and patience.</p> <p>-Khuôn mặt cao quý của Đức Phật thể hiện sự thanh thản. Ngài ấy trông điềm tĩnh và nhẹ nhàng. Khuôn mặt ngài thể hiện sự nhân hậu và ôn hòa.</p> <p>Dái tai dài của Đức Phật thể hiện khả năng và tinh thần lắng nghe tiếng nói của tất cả chúng sinh. Dái tai dài của Đức Phật nhắc nhở chúng ta hãy lắng nghe nhau với lòng nhân từ và nhẫn nại.</p>
<p>Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên</p>	<p>5 min 5 Phút</p>	<p>Students will label the four key features of Buddha's appearance. Học sinh sẽ viết ra 4 từ khóa về ngoại hình của Đức Phật.</p>

Term Two: Stage 2 Activity 2: The Appearance of Buddha

Hoạt động 2: Ngoại hình của Đức Phật



IB3 *Activity B*. Why Does the Buddha Look Like That?
Tại sao hình dáng của Đức Phật như vậy?

Name _____

Date _____

1. Choose from the box below and label the corresponding symbols.
1. Chọn từ trong ô và điền vào hình.
2. Colour in.
2. Tô màu



<i>Match the Label to its Symbols</i>		
calm face	halo	
	long earlobes	hand mudra

Chọn từ bên dưới điền vào hình:	
Khuôn mặt điềm tĩnh	Vầng hào quang
Dái tai dài	Thủ ấn

Based on material originally developed by Buddha Dharma Education Association, © Buddhanet <http://www.buddhanet.net/>

Term Two: Stage 2 Lesson 3: *The Appearance of Buddha*

Bài học 3: Ngoại hình của Đức Phật


Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To outline some key features of Buddha’s appearance. Mục tiêu bài học: nêu vài đặc điểm về ngoại hình của Đức Phật Resources: Students will need the Buddha’s Appearance worksheet (hand mudras). Nguồn: Học sinh sẽ cần worksheet về ngoại hình của Đức Phật (tay thủ ấn)
Breathing meditation- Thiền hít thở/ Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	<ol style="list-style-type: none"> Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần). Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần). Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.
Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận	5-min 5 Phút	<ul style="list-style-type: none"> Ask children what they already know about Buddha’s appearance. Hỏi học sinh về những điều các em đã biết về ngoại hình của Đức Phật Revise key features that were introduced in the previous lesson. Ôn lại các đặc điểm đã được giới thiệu trong bài học trước. Write key words on the board Viết những từ khóa lên bảng.
Lesson Information Nội dung bài học	5 min 5 phút	<p>The Appearance of Buddha Ngoại hình của Đức Phật</p> <p>- Outline 4 features of Buddha’s appearance that were introduced in the previous lesson. - Liệt kê 4 đặc điểm về ngoại hình của Đức Phật đã được giới thiệu trong bài học trước.</p> <p>There are many key features of Buddha. Some of these are</p> <ol style="list-style-type: none"> His noble face (Buddha looks serene) His Earlobes (long earlobes) The Mudras (Buddha’s hand gestures represent aspects of the Dharma) The Halo around his head (The halo represents Buddha’s wisdom and purity) <p>Có rất nhiều đặc điểm chính của Đức Phật. Một số trong số này là:</p> <ol style="list-style-type: none"> Khuôn mặt cao quý của Ngài (Đức Phật trông thanh thoát) Dái tai của ngài ấy (dái tai dài) Thủ ấn (cử chỉ tay của Đức Phật đại diện cho các khía cạnh của Pháp) Vầng hào quang quanh đầu (Vầng hào quang tượng trưng cho trí tuệ và sự

		<p>ting khiết của Đức Phật)</p> <p>This lesson will focus on the last two features - 3. The Halo around his head and 4. The Mudras Bài học này sẽ tập trung vào 2 đặc điểm - 3.Vàng hào quang quanh đầu của ngài và 4.Thủ ấn</p> <p>Buddha has an aura that shows that he is a noble person. The halo around Buddha’s head is a symbol of truth, wisdom and purity of the heart. This brightness represents light that shines on darkness.</p> <p>A hand mudra is a sign using the hands to represent some gestures of Dharma. Some of the mudras symbolize Buddha’s teaching, respect, protection and meditation.</p> <p>Đức Phật có hào quang cho thấy Ngài là người cao quý. Vàng hào quang xung quanh đầu của Đức Phật là biểu tượng của chân lý, trí tuệ và sự thuần khiết của trái tim. Ánh sáng này đại diện cho ánh sáng chiếu vào bóng tối.</p> <p>Bàn tay thủ ấn là một dấu hiệu sử dụng bàn tay để đại diện cho một số cử chỉ của Pháp. Một số hình tượng trưng cho sự dạy dỗ, tôn trọng, bảo vệ và thiền định của Đức Phật.</p>
<p>Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên</p>	<p>5 min 5 Phút</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Students will read the information about The Relaxed Concentration Mudra and the Teaching or Turning of the Wheel of Dharma Mudra. - Học sinh sẽ đọc thông tin về bắt ấn thư giãn và cách dạy hoặc chuyển sang bắt ấn bánh xe pháp. - They will then practise using these gestures with a partner. <p>Sau đó học sinh sẽ thực hành bắt ấn với bạn.</p>

Term Two: Stage 2 Activity 3: *The Appearance of Buddha*

Hoạt động 3: Ngoại hình của Đức Phật

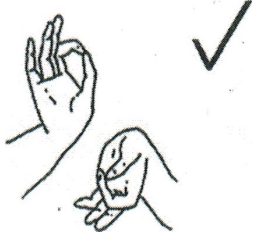
Read the information about the hand mudra's and practice using these with a partner.
Đọc hướng dẫn bắt ấn và thực hành cùng các bạn.



Relax Concentration (*Dhyana*) Mudra
Bắt ấn thư giãn

Sitting in mediation is a very important part of Buddhism. When you sit down the hands tend to rest in the lap quite naturally in this position. This is the gesture of the concentrated mind in mediation.

Ngồi Thiền là một trong những phần quan trọng của đạo Phật. Bạn ngồi xuống giữ bàn tay thư giãn tự nhiên theo như hình bên trái. Ở tư thế thiền định này mọi tâm trí được tập trung.



Teaching or Turning the Wheel of Dhamma
(*Dhammacakkapavartana*) Mudra
Sự giảng dạy hoặc bắt ấn bánh xe pháp

Shortly after Siddhartha became enlightened he gave his first teaching – the Dhammacakka Sutta. The thumb touching the forefinger is like a wheel and all the other fingers radiating out representing the “Four Noble Truths” and the “Eightfold Path”. This is a gesture of teaching – it especially refers to the first sermon.

Không lâu sau khi Siddhartha giác ngộ, ngài đã giảng bài đầu tiên là Kinh Chuyển Pháp Luân. Ngón tay cái chạm vào ngón trỏ trông như hình bánh xe pháp và các ngón còn lại tỏa ra tượng trưng cho “Tứ Diệu Đế” và “Bát Chánh Đạo”. Đây là một cử chỉ được đặc biệt đề cập đến trong bài giảng đầu tiên.

Term Two: Stage 2 Lesson 4: *The Four Noble Truths*

Bài học 4: Tứ Diệu Đế

Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To Introduce The Four Noble Truths. Mục tiêu bài học: giới thiệu về Tứ Diệu Đế Resources: Teacher will need The Four Noble Truths Posters. Nguồn: giáo viên sẽ cần áp poster Tứ Diệu Đế.
Breathing meditation-Thiền hít thở/ Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	<p>1. Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần).</p> <p>2. Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần).</p> <p>3. Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.</p>
Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận	5 min 5 Phút	<ul style="list-style-type: none"> • Ask children what they already know about The Four Noble Truths. • Hỏi học sinh về điều mà các em đã biết về Tứ Diệu Đế. • Write key words on the board • Viết từ khóa lên bảng • Explain lesson information. • Giải thích thông tin bài học.
Lesson Information Nội dung bài học	5 min 5 Phút	<p>The Buddha's teachings are known as <i>Dharma</i>. They include Buddhism's Four Noble Truths and the Eightfold Path (or Middle Way). Lời dạy của Đức Phật được gọi là Pháp. Bao gồm Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo (hoặc con đường trung đạo)</p> <p>The Dharma: Buddhism's Four Noble Truths are:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Life always involves suffering (<i>Dukkha</i>). 2. Suffering happens because people are greedy and not satisfied with what they have (<i>Samudaya</i>). 3. The end of suffering (<i>Nirvana</i>). 4. The way to end suffering is to follow the Eightfold Path (<i>Magga</i>). <p>Pháp: Tứ Diệu Đế trong Đạo Phật là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cuộc sống luôn bao gồm đau khổ (Khổ Đế). 2. Đau khổ xảy ra vì con người tham lam và không hài lòng với những gì mình có (Tập Đế). 3. Sự chấm dứt đau khổ (Diệt Đế). 4. Cách để chấm dứt đau khổ là tuân theo Bát Chánh Đạo (Đạo Đế) <p>This lesson will focus on the first two of The Four Noble Truths Bài học này sẽ tập trung vào 2 điều đầu tiên trong Tứ Diệu Đế</p>

		<p>The First Noble Truth- Life always involves suffering (<i>Dukkha</i>). There are two types of pain. One sort of pain is the pain, which we can feel on our body. We call this physical pain. We feel this pain on our body when we get sick or if we have an accident and get hurt.</p> <p>The other type of pain is when we feel sad. This sort of pain is caused by our thoughts. We feel this pain when we think about something that has made us feel unhappy.</p> <p>Diệu Đế thứ nhất - Cuộc sống luôn bao gồm đau khổ (Khổ Đế). Có hai trạng thái đau khổ. Một trạng thái đau khổ là cơn đau mà chúng ta có thể cảm nhận được trên cơ thể mình. Chúng ta gọi đây là nỗi đau thể xác. Chúng ta cảm thấy cơn đau này trên cơ thể khi chúng ta bị ốm hoặc khi chúng ta bị tai nạn và bị thương.</p> <p>Trạng thái đau khổ khác là khi chúng ta cảm thấy buồn. Cảm giác đau khổ này là do từ suy nghĩ của chúng ta gây ra. Chúng ta cảm thấy đau khổ khi nghĩ về điều gì đó đã khiến chúng ta cảm thấy không vui.</p> <p>The Second Noble Truth- Suffering happens because people are greedy and not satisfied with what they have (<i>Samudaya</i>). Being selfishness and greedy can cause suffering. People are never happy or content with that they have. They always want more.</p> <p>Diệu Đế thứ hai - Khổ đế xảy ra bởi vì con người tham lam và không hài lòng với những gì họ có (Tập Đế). Ích kỷ và tham lam có thể gây ra đau khổ. Con người không bao giờ hạnh phúc hoặc hài lòng với những gì họ có. Họ luôn muốn nhiều hơn nữa.</p>
<p>Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên</p>	<p>5min 5 phút</p>	<p>Teacher to show The Four Noble Truths Posters. As a whole class brainstorm examples of the causes of suffering- Some examples are:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Physical pain- feeling sick, sore stomach, headache, falling off your bike. 2. Pain from our thoughts- feeling sad because you lost a game, having no friends, being teased. 3. Wanting more toys than you need, wanting more food than you need. <p>Giáo viên cho xem poster Tứ Diệu Đế. Cả lớp cùng nêu các ví dụ về nguyên nhân gây ra đau khổ- Một số ví dụ là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đau đớn về thể chất - cảm thấy ốm, đau bụng, nhức đầu, ngã xe. 2. Nỗi đau từ những suy nghĩ của chúng ta - cảm thấy buồn vì bạn thua một trò chơi, không có bạn bè, bị trêu chọc. 3. Muốn nhiều đồ chơi hơn bạn cần, muốn nhiều thức ăn hơn bạn cần.

Term Two: Stage 2 Lesson 5: *The Four Noble Truths*

Bài học 5: Tứ Diệu Đế

Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To Introduce The Four Noble Truths. Mục tiêu bài học: giới thiệu về Tứ Diệu Đế Resources: Teacher will need The Four Noble Truths Posters. Nguồn: giáo viên sẽ cần áp poster Tứ Diệu Đế.
Meditation/ Thiền hít thở Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	<p>1. Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần).</p> <p>2. Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần).</p> <p>3. Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.</p>
Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận	5 min 5 Phút	<ul style="list-style-type: none"> • Ask children what they already know about The Four Noble Truths. • Hỏi học sinh về điều mà các em đã biết về Tứ Diệu Đế. • Write key words on the board • Viết từ khóa lên bảng • Explain lesson information. • Giải thích thông tin bài học.
Lesson Information Nội dung bài học	5 min 5 Phút	<p>The Buddha's teachings are known as <i>Dharma</i>. They include Buddhism's Four Noble Truths and the Eightfold Path (or Middle Way).</p> <p>-Những lời giáo huấn của Đức Phật được gọi là Pháp. Bao gồm Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo (hoặc con đường trung đạo)</p> <p>The Dharma: Buddhism's Four Noble Truths are:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Dukkha-Life always involves suffering 2. Samudaya-Suffering happens because people are greedy and not satisfied with what they have. 3. Nirvana-The end of suffering. 4. Magga-The way to end suffering is to follow the Eightfold Path. <p>Giáo Pháp: Tứ Diệu Đế trong Đạo Phật là:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khổ Đế-Cuộc sống luôn bao gồm đau khổ. 2. Tập Đế-Đau khổ xảy ra vì con người tham lam và không hài lòng với những gì mình có 3. Diệt Đế-Sự diệt đau khổ. 4. Đạo Đế-Con đường đưa đến sự chấm dứt đau khổ là tuân theo Bát Chánh Đạo(Đạo Đế)

		<p>This lesson will focus on the first two of The Four Noble Truths Bài học này sẽ tập trung vào 2 Điều Đế đầu tiên trong Tứ Diệu Đế</p> <p>The Third Noble Truth The True of END of suffering can be achieved by removing greediness, hatred, jealousy and anger. If we take these negative emotions away, we can be free from suffering (Nirvodha).</p> <p>Diệt Đế (thứ ba). Sự thật về sự kết thúc của đau khổ có thể đạt được bằng cách loại bỏ tham lam, hận thù, ghen tị và giận dữ. Nếu chúng ta loại bỏ những cảm xúc tiêu cực này, chúng ta có thể thoát khỏi đau khổ.</p>
<p>Lesson Information Continued</p> <p>Nội dung bài học (tiếp theo)</p>		<p>The Fourth Noble Truth- The pathway to end suffering. Shakyamuni Buddha developed a way of life called the Eightfold Path, which meant his basic needs were catered for (food, clothing and shelter) but he did not look for any extra comforts. Buddhists still try to live according to the Eightfold Path</p> <p>Đạo Đế (thứ tư)- Con đường chấm dứt đau khổ. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã phát triển một lối sống gọi là Bát Chánh Đạo, có nghĩa là những nhu cầu cơ bản của ngài được đáp ứng (thức ăn, quần áo và chỗ ở) nhưng ngài không tìm kiếm thêm bất kỳ tiện nghi nào. Người Phật tử vẫn luôn cố gắng sống theo Bát Chánh Đạo</p> <p>The Eight- Fold Path Bát Chánh Đạo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Right viewpoint (looking at life the right way and accepting the Buddha's teachings) -Chánh kiến -(hiểu rõ đời sống một cách đúng đắn và tuân theo những lời Phật dạy). 2. Right values / thought (using the power of the mind in the right way and thinking about other people without being selfish) -Chánh tư duy (sử dụng sức mạnh của trí tuệ một cách đúng đắn và không ích kỷ khi nghĩ về người khác). 3. Right speech (making sure that your words are kind and helpful and be truthful). -Chánh ngữ (kiểm soát chính chắn những lời lẽ bạn nói ra đều là tử tế, hữu ích và trung thực). 4. Right actions (treating yourself and other people with respect) -Chánh nghiệp (luôn tôn trọng bản thân mình và người khác). 5. Right livelihood (having a job that does not harm any living beings). -Chánh mạng (có một công việc làm mà không làm hại đến sinh mạng của chúng sanh). 6. Right effort (doing good things and avoiding bad things) Chánh tinh tấn (làm những điều tốt và tránh làm những điều xấu). 7. Right mindfulness (training the mind to see things in the right way). -Chánh niệm (rèn luyện tâm trí để nhìn mọi sự việc một cách đúng)

		<p>đần).</p> <p>8. Right meditation (learning to concentrate and calm the mind by using breathing meditation). -Chánh định (học hỏi cách tập trung và tĩnh tâm bằng phương pháp áp dụng thiền hít thở).</p>
<p>Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên</p>	<p>5 min 5 Phút</p>	<p>Teacher will ask students to name the four Noble Truths in the correct order. Use the posters as a guide. -Giáo viên sẽ hỏi lại học sinh tên từng tên của Tứ Diệu theo thứ tự. Sử dụng poster để hỗ trợ.</p>

Term Two: Stage 2 Lesson 6: The Sangha (Monks and Nuns)

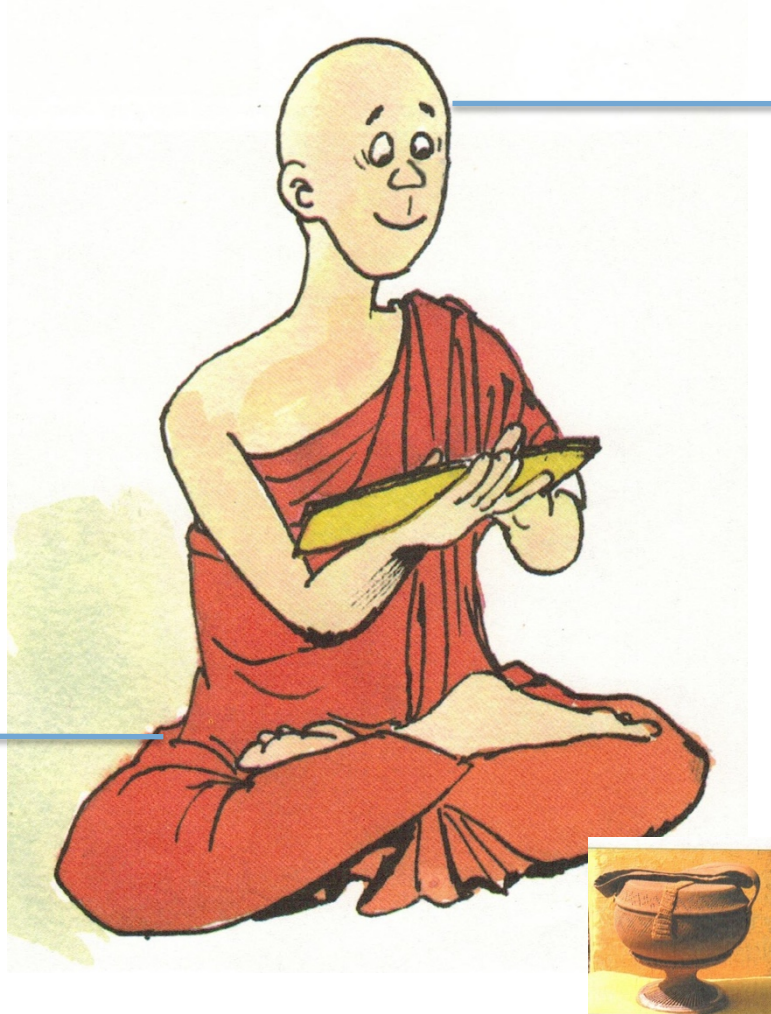
Bài học 6: Tăng đoàn (Tăng và Ni)

Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To outline some key features of The Sangha Mục tiêu bài học: liệt kê một số đặc điểm chính của Tăng đoàn.
Breathing meditation-Thiền hít thở / Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	<p>Lesson Aim: To outline some key features of The Sangha Mục tiêu bài học: liệt kê một số đặc điểm chính của Tăng đoàn.</p> <ol style="list-style-type: none"> Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần). Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần). Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.
Lesson Information Nội dung bài học	5 min 5 Phút	<p>The Sangha Buddhists aim to give up the need for material possessions. They concentrate on their inner development and gain much understanding into the nature of things by leading a pure and simple life. The Sangha is a group of monks or nuns. They practice the Dharma. They spread Buddha’s teachings to help people become happier and wiser.</p> <p>-Tăng đoàn Tu sĩ hướng đến việc từ bỏ nhu cầu của cải vật chất. Họ tập trung vào sự phát triển nội tâm của mình và hiểu được nhiều điều về bản chất của sự vật bằng cách sống trong sáng và giản dị. Tăng đoàn là một nhóm tu sĩ các tăng hoặc ni. Họ thực hành Pháp. Họ truyền bá những lời dạy của Đức Phật để giúp mọi người trở nên hạnh phúc và sáng suốt hơn.</p> <p>Clothing In the beginning, monks and nuns had only three robes. When Buddhism spread to colder countries, like China and Japan, they needed to wear more layers of clothes to keep warm. Their robes are simple and made from cotton or linen.</p> <p>-Y và Áo(Quần áo) Thuở ban đầu, Tăng Ni chỉ có ba bộ y. Khi Phật Giáo lan truyền sang các nước lạnh hơn, như Trung Quốc và Nhật Bản, họ cần mặc nhiều lớp quần áo hơn để giữ ấm. Áo choàng của họ rất đơn giản và được làm từ bông hoặc vải lanh.</p> <p>Shaven head Buddhist monks and nuns shave their heads. They are not concerned with outward beauty, but with developing their inner beauty. Monks and nuns are easy to recognise with their shaven heads. The time they would have spent on caring for their hair is spent on more important activities like meditating, or chanting.</p>

		<p>-Đầu cạo trọc Tăng Ni cạo trọc đầu. Họ không quan tâm đến vẻ đẹp bên ngoài, mà là phát triển vẻ đẹp bên trong của họ. Các vị sư tăng và sư ni rất dễ nhận ra với đầu cạo trọc. Thời gian họ dành để chăm sóc tóc sẽ được dành cho các hoạt động quan trọng hơn như thiền hoặc tụng kinh.</p> <p>Alms bowl Offering food to monks and nuns is a part of Buddhist practice. Since monks and nuns do not choose their food, they learn to be grateful for whatever they are given. <i>This practice helps them to be humble.</i> It also gives the disciples an opportunity to practice giving. The disciples go to the monastery to make offerings of food.</p> <p>- Bát khát thực Dâng thức ăn cho các Tăng Ni là một phần của thực hành Phật giáo. Vì các Tăng Ni không chọn thức ăn cho họ, họ học cách biết ơn bất cứ thứ gì họ được cho. Thực hành này giúp họ khiêm tốn. Điều này cũng tạo cơ hội cho các Phật tử thực hành hạnh bố thí. Các Phật tử đến Chùa để cúng dường thức ăn.</p> <p>Robes and alms bowls are very important for monks and nuns. The Buddha said, <i>“Just as a bird takes its wings with it wherever it flies, so the monks and nuns take their robes and bowls with them wherever they go. They are content with robes to cover their body and an alms bowl to hold their food.”</i></p> <p>-Áo cà sa và bát khát thực rất quan trọng đối với Tăng. Đức Phật nói, “Giống như một con chim mang theo đôi cánh của nó ở bất cứ nơi nào nó bay đến, vì vậy các tăng ni đi đâu cũng mang theo y và bát. Họ hài lòng với áo cà sa để che thân và một chiếc bát khát thực để đựng thức ăn của họ”.</p>
Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận	5min 5 Phút	<p>Ask students to explain 1 point they remember about The Sangha, their clothing, shaven head or Alms bowl. Teacher to write answers on the board.</p> <p>-Yêu cầu học sinh giải thích 1 điểm mà các em nhớ về Tăng thân, y phục, đầu cạo trọc hoặc bình bát khát thực. Giáo viên ghi câu trả lời lên bảng.</p>
Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên	5min 5 Phút	<p>Students will label the key features of the Sangha</p> <p>-Học sinh sẽ ghi tên các đặc điểm chính của Tăng đoàn.</p>

Term Two: Stage 2 Activity 6: *The Sangha (Monks and Nuns)*
Hoạt động 6: Tăng đoàn (Tăng và Ni)

Label the key representations of the Sangha
Chú thích các đặc điểm chính của Tăng đoàn



Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To outline some key roles and responsibilities of The Sangha Mục tiêu bài học: liệt kê các vai trò và trách nhiệm của Tăng đoàn.
Breathing meditation-Thiền hít thở / Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	<p>1. Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần).</p> <p>2. Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần).</p> <p>3. Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.</p>
Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận	5min 5 Phút	Review concept taught about the Sangha in previous lesson. -Xem lại nội dung được dạy về Tăng đoàn trong bài học trước
Lesson Information Nội dung bài học	5min 5 Phút	<p>The Sangha -Tăng đoàn</p> <p>In the daily life of work and religious practice, the monks and nuns are mindful of what they do; they conduct themselves properly and with discipline. Each day begins early for monks and nuns. As early as 5am, they begin their day by reciting the Shurangama Mantra. They then attend morning ceremonies and recite parts of Buddha’s teachings. Later on, there may be a period of meditation and study.</p> <p>-Trong cuộc sống sinh hoạt và tu hành hằng ngày, chư Tăng Ni đều giữ chánh niệm những việc mình làm; họ cư xử đúng mực và có kỷ luật. Mỗi ngày bắt đầu từ sớm đối với các Tăng Ni. Ngay từ 5 giờ sáng, họ bắt đầu một ngày bằng cách trì tụng Chú Lăng Nghiêm. Sau đó, họ tham dự các buổi lễ buổi sáng và đọc thuộc lòng những lời dạy của Đức Phật. Sau đó, có thể có một khoảng thời gian thiền định và nghiên cứu Kinh điển.</p> <p>Members of the Sangha have many responsibilities to fulfill, despite leading simple lives. They work very hard and are happy with the work they do. During the day, they go about teaching the Dharma. They take care of the temple and gardens. They give advice to the Buddhist members. They help with community services such as preparing for and conducting wedding ceremonies, funeral ceremonies and they preach Dharma to help the elderly and the sick overcome their suffering.</p>

		<p>-Các Tu sĩ của Tăng đoàn có nhiều trách nhiệm phải hoàn thành, mặc dù sống giản dị. Họ làm việc rất chăm chỉ và hạnh phúc với công việc họ làm. Vào ban ngày, họ đi giảng Pháp. Họ chăm sóc Chùa và các khu vườn. Họ đưa ra lời khuyên nhủ cho các Phật tử. Họ giúp đỡ các dịch vụ cộng đồng như chuẩn bị và tiến hành lễ cưới, lễ tang và họ thuyết giảng Phật pháp để giúp người cao niên và người bệnh vượt qua nỗi đau đau yếu.</p> <p>There are more chanting and meditation sessions in the evenings. Monks and nuns may give talks on the teachings of Buddha. In the evening they use their time for study or meditation.</p> <p>-Có nhiều buổi tụng Kinh và thiền định hơn vào buổi tối. Các Tăng Ni có thể thuyết giảng về những lời dạy của Đức Phật. Vào buổi tối, họ dành thời gian cho việc học kinh điển hoặc thiền định.</p>
<p>Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên</p>	<p>5 min 5 Phút</p>	<p>Students will complete a close passage about the Sangha. Học sinh sẽ hoàn thành một đoạn văn về Tăng đoàn.</p>

Term Two: Stage 2 Activity 7: The Sangha (Monks and Nuns)
Hoạt động 7: Tăng đoàn (Tăng và Ni)

Fill in the missing words.
Điền từ còn thiếu.

The Sangha
Tăng đoàn

Each day begins early for monks and nuns. As early as _____, they begin their day by reciting the Shurangama _____. They then attend morning ceremonies and recite parts of Buddha's teachings. Later on, there may be a period of _____ and study.

Mỗi ngày bắt đầu từ sớm đối với các Tăng Ni. Ngay từ _____, họ bắt đầu một ngày bằng cách trì tụng _____ Lăng Nghiêm. Sau đó, họ tham dự các buổi lễ buổi sáng và đọc thuộc lòng những bài chú giảng dạy của Đức Phật. Sau đó, có thể có một khoảng thời gian _____ và nghiên cứu Kinh điển.

Members of the Sangha have many responsibilities to fulfill, despite leading simple lives. They work very hard and are happy with the work they do. During the day, they go about teaching the _____. They take care of the temple and gardens. They give advice to the Buddhist members. They help with community services such as preparing for and conducting wedding ceremonies, funeral ceremonies and they preach Dharma to help the elderly and the sick overcome their _____.

Các Tu sĩ của Tăng đoàn có nhiều trách nhiệm phải hoàn thành, mặc dù sống giản dị. Họ làm việc rất chăm chỉ và hạnh phúc với công việc họ làm. Vào ban ngày, họ đi giảng _____. Họ chăm sóc Chùa và các khu vườn. Họ đưa ra lời khuyên như cho các Phật tử. Họ giúp đỡ các dịch vụ cộng đồng như chuẩn bị và tiến hành lễ cưới, lễ tang và họ thuyết giảng Phật pháp để giúp người cao niên và người bệnh vượt qua _____.

Mantra
Thần chú

suffering
đau khổ

meditation
thiền định.

5am
5 giờ sáng

Dharma
Pháp

Term Two: Stage 2 Lesson 8: *Where do Buddhists live today?*

Bài học 8: Ngày nay Phật tử sống ở đâu

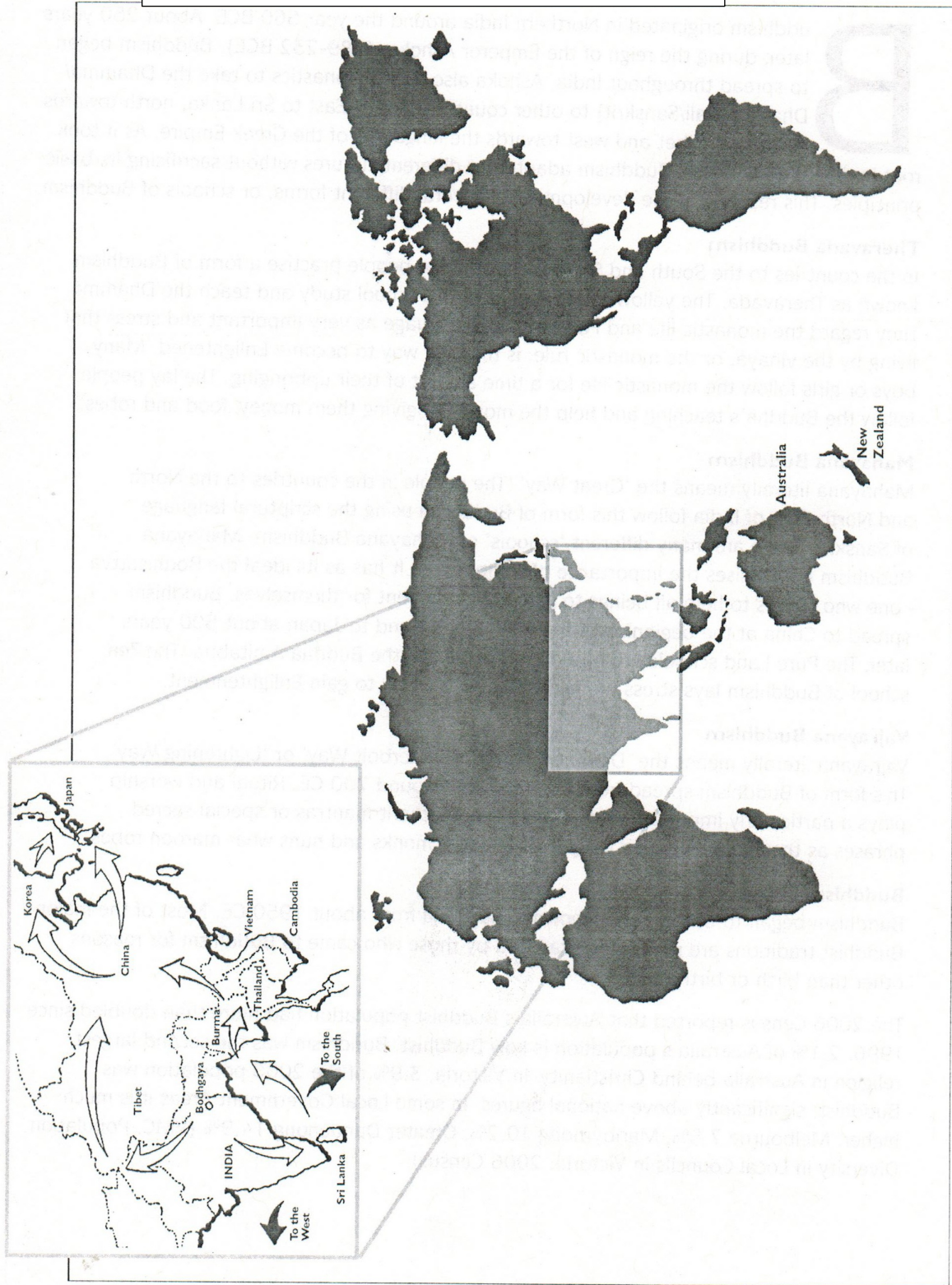
Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To show where Buddhists live around the world Mục tiêu bài học: chỉ ra nơi người tu hành sống trên thế giới.
Breathing meditation-thiền hít thở/ Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	<p>1. Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần).</p> <p>2. Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần).</p> <p>3. Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.</p>
Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận	5 min 5 Phút	Ask students about the origins of where their family came from. Hỏi học sinh về nguồn gốc của gia đình họ đến từ đâu.
Lesson Information Nội dung bài học	5 min 5 Phút	<ul style="list-style-type: none"> • Show students a map of the world. • Chỉ học sinh về bản đồ thế giới. • Ask students to identify where Australia is on the map. • Hỏi học sinh định vị nước Úc trên bản đồ. • Ask students to identify where their families come from. • Hỏi học sinh định vị nơi gia đình họ đến từ đâu. • Explain that there are different countries around the world where Buddhism is practiced. • Giải thích rằng có nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới nơi Phật giáo được thực hành
Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên	5 min 5 Phút	Students will highlight on the world map where their family comes from. -Học sinh sẽ đánh dấu trên bản đồ thế giới nơi gia đình họ đến.

Term Two: Stage 2 Activity 8: *Where do Buddhists live today?*

Hoạt động : Ngày nay Phật tử sống ở đâu?

IB5. Where are Buddhists Found? Page 1 of 2

Phật tử được tìm thấy ở đâu?



Term Two: Stage 2 Lesson 9: *Where do Buddhists live today?*

Bài học 9: Ngày nay Phật tử sống ở đâu?

Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To show Buddhists live around the world and that people from different cultures practice Buddhism. Mục tiêu bài học: Để cho các Phật tử sống trên khắp thế giới và những người từ các nền văn hóa khác nhau thực hành Phật giáo.
Meditation-Thiền hít thở/ Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	<p>1. Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần).</p> <p>2. Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần).</p> <p>3. Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.</p>
Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận	5 min 5 Phút	Ask students to tell the class what language they speak. -Yêu cầu học sinh cho cả lớp biết ngôn ngữ mà các em đang dùng
Lesson Information Nội dung bài học	5min 5 Phút	<ul style="list-style-type: none"> Show students a map of the world. Chỉ học sinh bản đồ thế giới Explain that in Buddhism there are different pronunciations according to the country of origin. Giải thích rằng trong Phật giáo có những cách phát âm khác nhau tùy theo xuất xứ của quốc gia. <p>The Name of Amitabha Buddha Amitabha Buddha name in different languages:</p> <ul style="list-style-type: none"> Sanskrit (Indian ancient language) is “Amitabha Buddhaya” Chinese language-“Amitufo” Thai language-“Amitabh” Vietnamese language-“A Di Đà Phật” Japanese language-“Amid Butsu”. <p>Danh hiệu của Đức Phật Tên Phật A Di Đà bằng các thứ tiếng:</p> <ul style="list-style-type: none"> Tiếng Phạn (ngôn ngữ cổ của Ấn Độ) là "Amitabha Buddhaya" Tiếng Trung- “Amitufo” Tiếng Thái- “Amitabh” Việt ngữ- “A Di Đà Phật” Tiếng Nhật - “Amid Butsu”.

		<p>In English speaking countries such as Australia the term Amitabha is widely used.</p> <p>Ở các nước nói tiếng Anh như Úc, thuật ngữ Amitabha được sử dụng rộng rãi.</p>
<p>Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên</p>	<p>5min 5 Phút</p>	<p>Students will practise saying Amitabha in the different languages. Học sinh sẽ thực hành niệm A Di Đà Phật.</p>

Term Two: Stage 2 Lesson 10: What do Buddhists Believe?

Bài học 10: Phật tử tin tưởng vào điều gì?

Lesson Sequence Yếu tố bài học	Time Thời gian	Lesson Aim: To outline some Buddhists beliefs. Mục tiêu bài học: nêu một vài niềm tin của Phật tử Resources: A copy of the Buddhist Flag, Flag worksheet and coloured pencils. Nguồn: bản sao lá cờ Phật giáo, trang lá cờ và bút chì màu
Breathing meditation-Thiền hít thở/ Chanting Niệm danh hiệu Phật	10 min 10 Phút	1. Recite name of Master Buddha-express respect and gratefulness to the Shakyamuni Buddha. Nam Mô Shakyamuni Buddha (3 times), Niệm danh hiệu Phật Tổ để tỏ lòng biết ơn Đức Phật. Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.(3 lần). 2. Breathing meditation –connect mind and body to the present. Next breath in, breath out breath meditation (3 times), Toạ Thiền hít thở-kết nối tâm trí và cơ thể với hiện tại. Hít vào thở ra tiếp theo, thiền thở ra (3 lần). 3. Chanting Amitabha- peaceful Buddha- lead to complete mindfulness, followed by Chanting Amitabha student repeat after teacher (3 times) Niệm danh hiệu A Di Đà Phật để đạt đến trạng thái hoàn toàn chánh niệm. Tiếp theo Niệm "A Di Đà Phật" học sinh niệm lặp lại sau thầy 3 lần.
Lesson Information Nội dung bài học	5min 5 Phút	<p>Buddhist Flag -Lá cờ Phật giáo</p> <p>When visiting a monastery, there are several symbols that can be found. The images and statues of the Buddha are the most popular significant in a monastery. There are Bodhi Tree, Lotus Flowers, Dharma Wheels and Buddhist Flags. Each of these has a special meaning in Buddhism.</p> <p>-Khi thăm viếng một cảnh Chùa thường có nhiều biểu tượng có thể thấy được. Các hình ảnh và tôn tượng của Đức Phật là những hình ảnh quan trọng nhất trong Chùa. Có cây bồ đề, hoa sen, bánh xe pháp và cờ Phật giáo. Những điều này đều có một ý nghĩa đặc biệt trong Phật giáo.</p> <p>As the Buddha sat under the Bodhi Tree, six rays of light emitted from his body after his Enlightenment. The Buddhism flag represents the colours of the aura around Buddha</p> <p>-Khi Đức Phật ngồi dưới cội bồ đề, sáu tia sáng phát ra từ thân thể Ngài sau khi Ngài thành đạo. Lá cờ Phật giáo tượng trưng cho màu sắc của hào quang xung quanh Đức Phật</p> <p>The vertical colours - Blue represents compassion, yellow the Middle Path, red signifies blessings of practice, white means purity and orange represents wisdom.</p> <p>-Các sọc màu dọc - Màu xanh dương tượng trưng cho lòng từ bi, màu vàng là Trung đạo, màu đỏ biểu thị sự gia trì của sự tu tập, màu trắng có nghĩa là sự trong sạch và màu cam tượng trưng cho trí tuệ.</p>

		<p>The horizontal colours on the Buddhist flag indicate that all the different races in the world can live happily under the shield of the Buddha's wisdom.</p> <p>-Các màu sọc ngang trên lá cờ Phật giáo cho biết rằng tất cả các chủng tộc khác nhau trên thế giới có thể sống hạnh phúc dưới sự che chở của trí tuệ Đức Phật.</p>
<p>Questioning and Discussion Câu hỏi và thảo luận</p>	<p>5 min 5 Phút</p>	<p>Show the class a picture of a Buddhist flag or an actual flag. -Cho cả lớp xem hình ảnh lá cờ Phật giáo hoặc lá cờ thực tế.</p>
<p>Students activity Teacher directed Hoạt động của học sinh dưới sự hướng dẫn của giáo viên</p>	<p>5 min 5 phút</p>	<p>Students will colour in the Buddhist Flag using the correct colours. Học sinh sẽ tô màu Cờ Phật giáo bằng các màu chính xác.</p>

Term Two: Stage 2 Activity 10: *What do Buddhists Believe?*

Hoạt động 10: : Phật tử tin tưởng vào điều gì?

Colour the Buddhist flag in the correct colours

Tô màu lá cờ Phật giáo theo đúng màu quy định

